

BÁO CÁO
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Trong năm 2022, mặc dù tình hình Thế giới nói chung và Việt Nam đã vượt qua thời điểm khó khăn nhất do dịch Covid 19, tuy nhiên tình hình Quốc tế nói chung vẫn gặp rất nhiều bất ổn, điển hình là cuộc xung đột Nga – Ucraina và tình trạng lạm phát diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Đối với Việt Nam, mặc dù không chịu ảnh hưởng lớn của các tác động bên ngoài song nhìn chung nền kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn sau đại dịch.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban TGD Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong, các nhà máy trực thuộc công ty tiếp tục tập trung phát điện tối đa vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được, tình hình thời tiết gặp nhiều thuận lợi nên sản lượng phát điện tăng 2,06% so năm 2021. Công tác vận hành máy móc thiết bị được đảm bảo đầy đủ các yêu cầu và theo quy trình vận hành, tuy nhiên hoạt động đầu tư thực hiện các dự án của Công ty đã bị gián đoạn hoàn toàn.

Vượt qua những thách thức và khó khăn nói trên, Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong đã nỗ lực tối đa, khắc phục khó khăn để thực hiện được những chỉ tiêu cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban điều hành Công ty xin báo cáo HĐQT tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN I:
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2022

I. Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022:

Trong năm 2022, doanh thu các Nhà máy Bản Cốc và Sao Va đạt được cụ thể: sản lượng phát điện đạt 93,023,661 kWh đạt 103.75% so với kế hoạch đề ra; doanh thu bán điện đạt 106,146 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng, doanh thu khác) đạt 90,55% so với kế hoạch đề ra; các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cao hơn so với kế hoạch đề ra lần lượt là 31,13% và 25,75%. Đây là kết quả khá tốt trong bối cảnh tình trạng thời tiết có cải thiện, tình hình kinh tế sau dịch bệnh kéo dài, với sự nỗ lực phát huy tối đa nguồn lực hiện có của toàn thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Khác	Tổng cộng
1	Sản lượng điện	kWh				
	Sản lượng KH 2022	kWh	79.000.000	10.666.000		89.666,000
	Sản lượng TH 2022	kWh	80.829.176	12.194.485		93.023.661
	Tỷ lệ	%	102,32%	114,33%		103.75%
2	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng				
	Doanh thu KH 2022	Tỷ đồng	102,739	14,102		116,841
	Doanh thu TH 2022	Tỷ đồng	92,747	13,399		105,688
	Tỷ lệ	%	90.28%	95,01%		90.85%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				61,966
	Thực hiện	Tỷ đồng				81.254
	Tỷ lệ	%				131.13%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				58,867
	Thực hiện	Tỷ đồng				74,028
	Tỷ lệ	%				125,75%

II. Về công tác đầu tư:

- Trong năm 2022, Công ty cũng đã tiến hành sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ các tổ máy Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va nâng cao hiệu quả vận hành phát điện. Ngoài ra còn rà soát khắc phục một số hư hỏng, thiếu sót cho các Nhà máy để đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả.

III. Về công tác tài chính:

Năm 2022 tình hình tài chính của Công ty đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo cân đối được dòng tiền trả nợ cho các tổ chức tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn.

Tình hình dư nợ tại các TCTD: ĐVT: 1.000 đồng

23. Vay và nợ thuê tài chính						
a) Vay ngắn hạn	12/31/2021		Trong năm		01/01/2022	
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	9,412,817,063	9,412,817,063	18,209,077,260	18,601,806,810	9,805,546,613	9,805,546,613
b) Vay dài hạn						
	12/31/202		Trong năm		01/01/2022	

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (i)	2,437,500,000	2,437,500,000	0	1,950,000,000	4,387,500,000	4,387,500,000

IV. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông năm 2022:

1. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022: Như đã trình bày ở trên.

2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

3. Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2022:

Dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần thủy điện Quê Phong, tối đa là 720 triệu đồng. Thực tế Công ty đã thực hiện chi trả 720 triệu đồng.

V. Báo cáo tài chính năm 2022:

1. Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN		Mã số	TM	12/31/2022	1/1/2022
A/	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		320,081,873,821	229,756,044,151
I/	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3,232,148,655	4,615,301,797
1.	Tiền	111		3,232,148,655	4,615,301,797
II/	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		316,428,585,261	224,724,526,994
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14,133,653,007	13,100,327,866
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10,652,609,312	12,377,101,584
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	290,170,738,085	198,526,067,430
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1,491,584,857	741,030,114
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20,000,000)	(20,000,000)
IV/	Hàng tồn kho	140		411,632,179	403,782,179
1.	Hàng tồn kho	141	5.6	411,632,179	403,782,179
V/	Tài sản ngắn hạn khác	150		9,507,726	12,433,181

1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	9,507,726	12,433,181
0.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	-	-
B/	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173,265,239,936	191,606,707,870
I/	Các khoản phải thu dài hạn	210		1,483,785,813	1,483,785,813
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1,483,785,813	1,483,785,813
II/	Tài sản cố định	220		159,468,504,435	177,400,269,906
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	159,468,504,435	177,223,422,688
	- Nguyên giá	222		475,897,402,178	474,503,002,176
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316,428,897,743)	(297,279,579,488)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	176,847,218
	- Nguyên giá	228		3,724,769,595	3,724,769,595
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,724,769,595)	(3,547,922,377)
III/	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/	Tài sản dở dang dài hạn	240		231,481,482	-
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		231,481,482	-
V/	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/	Tài sản dài hạn khác	260		12,081,468,206	12,722,652,151
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12,081,468,206	12,722,652,151
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		493,347,113,757	421,362,752,021

		Mã số	TM	12/31/2022	Đơn vị tính: VND 01/01/2022
C/	NỢ PHẢI TRẢ	300		121,685,131,371	84,453,146,297
I/	Nợ ngắn hạn	310		120,781,603,448	81,241,103,552
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	40,694,953,026	39,158,456,551
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	11,166,272,374	11,405,965,691
3.	Phải trả người lao động	314		1,842,348,339	1,640,414,062
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	7,509,829,021	7,509,829,021
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	37,777,133,450	1,442,833,530
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	11,362,817,063	11,755,546,613

7.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322			10,428,250,175	8,328,058,084
III/	Nợ dài hạn	330			903,527,923	3,212,042,745
1.	Chi phí phải trả dài hạn	333	5.11		465,905,708	774,542,745
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13		437,622,215	2,437,500,000
DI/	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			371,661,982,386	336,909,605,724
I/	Vốn chủ sở hữu	410	5.14		371,661,982,386	336,909,605,724
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411			185,831,000,000	185,831,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			185,831,000,000	185,831,000,000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418			20,924,187,646	20,924,187,646
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			164,395,264,740	129,642,888,078
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			90,367,630,898	59,627,619,968
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			74,027,633,842	70,015,268,110
4.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			511,530,000	511,530,000
II/	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			493,347,113,757	421,362,752,021

VI. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Trong năm 2022, Công ty chưa thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2021 cho Cổ đông. Dự kiến trong thời gian tới, Ban điều hành sẽ lập kế hoạch trình HĐQT xem xét lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2023 để chi trả cho cổ đông.

PHẦN II:

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2023:

1.1. Thuận lợi:

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết nội bộ tốt, yêu lao động, có nhu cầu công việc cao, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;
- Được sự giúp đỡ của các cổ đông chính như Tổng công ty Điện lực Trung Sơn và các Cổ đông lớn khác;
- Được sự giúp đỡ, quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương;
- Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách đầu tư nguồn điện;

- Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va đã đi vào vận hành kinh doanh hơn 10 năm nên cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tác nghiệp với các cơ quan hữu quan nhất là với Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Trung tâm điều độ hệ thống điện trong sản xuất và thanh toán tiền điện.

- Một số yếu tố khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;...

1.2. Khó khăn:

- Tình trạng lạm phát trên toàn cầu, xung đột địa chính trị giữa các nước lớn đang diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Toàn bộ dự án nằm trong khu vực miền Tây Nghệ An, khí hậu có nét đặc thù và khắc nghiệt; giao thông đi lại khó khăn và thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế. Trụ sở Công ty đóng xa trung tâm, có những diễn biến phức tạp về trật tự, trị an. Cơ sở vật chất còn khó khăn thiếu thốn: Điều kiện đi lại khó khăn; các dịch vụ y tế, trường học nằm cách quá xa Công ty; thông tin liên lạc kém, không ổn định dẫn đến CBCNV không an tâm phát triển;

- Điện lượng vào mùa khô đạt thấp hơn kỳ vọng của dự án (Do hiện tượng khí hậu thay đổi thất thường – chế độ Thủy văn có sự suy giảm, lượng mưa giảm thấp so với số liệu thiết kế, công tác khảo sát đánh giá ban đầu chưa sát với thực tế, qua 13 năm vận hành từ năm 2010 đến nay chế độ thủy văn không có sự thay đổi khác);

II. Kế hoạch SXKD năm 2023:

Trên cơ sở xác định các điều kiện nội tại của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong cũng như xác định những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch SXKD năm 2023 báo cáo trình HĐQT thông qua như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	79,000,000	10,666,000	89,666,000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	112,948	15,480	128,428
	Tiền bán điện		102,739	14,102	116,841
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		7,365	994	8,359
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		2,844	384	3,228
3	Doanh thu hoạt động tài chính				8,000
4	Doanh thu khác				-
4	Chi phí		26,436	5,461	71,462
	Chi phí tiền lương				6,000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		3,388	1,548	4,936
	Chi phí thuế TN		7,365	994	8,359
	Phí dịch vụ MTR		2,844	384	3,228
	Chi phí quản lý		5,647	1,548	7,195
	Chi phí sửa chữa lớn		7,192	987	8,179
	Chi phí khấu hao TSCĐ				31,564

	Chi phí lãi vay				2,000
5	Chi phí khác				3,000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			61,966
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			58,868
8	Trả cổ tức năm 2020	%/VDL			20

Nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả SXKD của Công ty; kính đề nghị Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2023 (*nếu thấy cần thiết*) cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế, chính sách của Nhà nước, mức độ ổn định vĩ mô nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2023.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm khác trong năm 2023:

- Tiếp tục tập trung phát điện vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được.
- Tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị Nhà máy, trạm, hệ thống điều khiển, đường dây để sửa chữa, thay thế, nâng cấp đáp ứng được yêu cầu phát điện với hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2022, Kế hoạch SXKD năm 2023 dự kiến và một số vấn đề khác.

Kính trình Hội đồng Quản trị Công ty CP thủy điện Quế Phong xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Lưu VP, TKHQDT.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hưng